

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Phước Oanh

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị B, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ 2, thôn Q, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 8, thôn M, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị B trình bày:*

Bà và bà Phạm Thị L có quan hệ là bạn bè thân quen trong làm ăn kinh tế, buôn bán. Bà Phạm Thị L có mượn bà tổng số tiền theo 05 giấy mượn tiền là 140.000.000 đồng để về làm nhà, mua sắm đồ mã cúng lễ. Bà L đã trả được 46.300.000 đồng, còn nợ bà số tiền 93.700.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30.4.2016 là 43.000.000đ + 10.000.000đ = 53.000.000đ, đã trả được 23.700.000đ, còn lại 29.300.000đ.

Lần 2: Ngày 20.6.2016 là 15.000.000đ chưa trả.

Lần 3: Ngày 17.10 (âm lịch).2016 là 24.000.000đ, đã trả được 13.000.000đ, còn lại 11.000.000đ.

Lần 4: Ngày 22.7.2017 là 30.000.000đ, đã trả được 8.000.000đ, còn lại 22.000.000đ.

Lần 5: 18.000.000đ. Không ghi ngày mà ghi từ ngày 10.9 (âm lịch).2017 mỗi tháng trả 1 triệu đến tháng 2 (âm lịch).2019 là hết. Đã trả được 3.600.000đ, còn lại 14.400.000đ.

Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị L trả dứt điểm một lần số tiền còn nợ là 93.700.000 đồng (chín mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Phan Thị B đồng ý bà Phạm Thị L còn nợ bà số tiền là 60.700.000 đồng (sáu mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng) và không đồng ý cho bà Phạm Thị L trả dần số tiền trên.

** Theo Bản trình bày, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận có nợ bà Phan Thị B số tiền 93.700.000 đồng (chín mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Số tiền này xuất phát từ quá trình chơi biêu do bà không có tiền đóng nên đã mượn bà B và bà có viết giấy mượn tiền. Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 93.700.000 đồng (chín mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng), bà đồng ý trả nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền trên.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị L xác nhận có mượn tiền bà B theo 05 lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng, bà đã trả cho bà B số tiền 79.300.000 đồng. Hiện bà còn nợ bà Phan Thị B số tiền là 60.700.000 đồng (sáu mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng) và xin trả dần cho bà B mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Phan Thị B đối với bà Phạm Thị L, xử buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà Phan Thị B số tiền 60.700.000 đồng (sáu mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng). Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: 05 Giấy mượn tiền ngày 30.4.2016, 20.6.2016, ngày 17.10 (âm lịch).2016, ngày 22.7.2017 và 01 giấy không ghi ngày mà ghi từ ngày 10.9 (âm lịch).2017 (bản chính viết tay); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà B; Bản tự khai của bà B, bà L và Biên bản xác minh của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Phan Thị B đối với bị đơn bà Phạm Thị L; bị đơn có địa chỉ nơi cư trú huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự nào có yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị L có mượn của bà Phan Thị B tổng số tiền theo 05 giấy mượn tiền là 140.000.000 đồng để về làm nhà, mua sắm đồ mã cúng lễ cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 30.4.2016 là 43.000.000đ + 10.000.000đ = 53.000.000đ.

Lần 2: Ngày 20.6.2016 là 15.000.000đ.

Lần 3: Ngày 17.10 (âm lịch).2016 là 24.000.000đ.

Lần 4: Ngày 22.7.2017 là 30.000.000đ.

Lần 5: Không ghi ngày mà ghi từ ngày 10.9 (âm lịch).2017 là 18.000.000đ.

Xét về hình thức, nội dung thì thấy: 05 giấy mượn tiền nêu trên đều được bà Phạm Thị L xác nhận là bà viết có mượn của bà Phan Thị B, khi viết giấy mượn tiền bà L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; bà L cam kết trả hàng tháng cho bà B nhưng đến nay bà L chỉ trả cho bà B được số tiền 79.300.000 đồng và còn nợ bà B 60.700.000 đồng. Do vậy, các giấy mượn tiền nêu trên có giá trị pháp lý, bà L chưa trả hết số tiền đã mượn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà B.

Tại phiên tòa, hai bên xác nhận có sự chênh lệch trong việc trả số tiền đã vay mượn nên bà B cũng đồng ý bà L đã trả được 79.300.000 đồng và còn nợ bà B số tiền 60.700.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà B. Đối với thời hạn trả số tiền còn nợ bà B là 60.700.000 đồng thì bà L trả xin trả dần nhưng không được bà B chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ quy định tại các Điều 280, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B đối với bà Phạm Thị L, buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà Phan Thị B số tiền 60.700.000 đồng (sáu mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng).

[3] Do yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B được chấp nhận nên bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Phan Thị B đối với bà Phạm Thị L.

Tuyên xử: Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị B số tiền 60.700.000 đồng (sáu mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 3.035.000 đồng (ba triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) bà Phạm Thị L phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phan Thị B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.342.000 đồng (hai triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000052 ngày 09.01.2019 tại Cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30.6.2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V,
- Chi cục THADS huyện V,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp